

Transformations and vectors

IGCSE Mathematics · Vocabulary

English	中文	Pinyin
transformation	变换	biàn huàn
reflection	反射	fǎn shè
mirror line	对称轴	duì chèn zhóu
rotation	旋转	xuán zhuǎn
centre	中心	zhōng xīn
enlargement	放大	fàng dà
scale factor	比例因子	bǐ lì yīn zǐ
translation	平移	píng yí
vector	向量	xiàng liàng
column vector	列向量	liè xiàng liàng
scalar	标量	biāo liàng
magnitude	模	mó
directed line segment	有向线段	yǒu xiàng xiàn duàn
position vector	位置向量	wèi zhì xiàng liàng
parallel	平行	píng xíng
collinear	共线	gòng xiàn
coplanar	共面	gòng miàn